TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/KDTM-ST
Ngày 25-8-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí.

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2023/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2023,Quyết định hoãn phiên tòa số: 310/2023/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ trụ sở chính: Phường A, quận B, Thành phố C; địa chỉ liên lạc: Đường D, Phường E, Quận F, Thành phố G.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Lê Hoài Đ hoặc ông Trần Văn B, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 1839/2023/UQ-PGĐ ngày 29/3/2023) (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ; địa chỉ: Đường H, Phường I, quận K, Thành phố L (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Mai Huỳnh Quang T, sinh năm 1984 - Chức danh: Giám đốc; địa chỉ: Xã M, huyện N, tỉnh O, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Mai Huỳnh Quang T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xã M, huyện N, tỉnh O (Vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Xã P, huyện Q, Thành phố R (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ đã vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Viết tắt: ngân hàng V) theo hợp đồng cho vay hạn mức số H11/19098 ngày 07/11/2019 với hạn mức cho vay là 300.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh: Điều hành tua du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, tính từ ngày 07/11/2019. Thực hiện hợp đồng trên, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo 02 khế ước nhận nợ như sau:

+ Khế ước nhận nợ (Lần 01/số: H11/19098-01) ngày 07/11/2019:

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh: Điều hành tua du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa.

- Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 07/11/2019 đến ngày 07/11/2020.

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất 17,7%/năm cố định trong vòng 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày điều chỉnh đầu tiên 07/12/2019; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng áp dụng đối với khoản vay giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 9,6%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Lãi chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Trả nợ gốc: Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 25.000.000 đồng, nợ gốc và trả lãi hàng tháng vào ngày 22, bắt đầu từ ngày 22/12/2019.

Tính thời điểm ngày 16/6/2020, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc tổng cộng là 150.000.000 đồng. Do vậy nguyên đơn tiếp tục giải ngân cho bị đơn số tiền 150.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ lần 2 như sau:

+ Khế ước nhận nợ (Lần 02/số: H11/19098-02) ngày 16/6/2020:

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh: Điều hành tua du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa.

- Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 16/6/2020 đến ngày 16/6/2021.

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất 18%/năm cố định trong vòng 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày điều chỉnh đầu tiên 16/7/2020; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính của bên ngân hàng áp dụng đối với khoản vay giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 9,6%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Lãi chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Trả nợ gốc: Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 12.500.000 đồng, nợ gốc và trả lãi hàng tháng vào ngày 15, bắt đầu từ ngày 15/7/2020.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ngân hàng V và các bên đã áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay như sau: Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Mai Huỳnh Quang T theo hợp đồng bảo lãnh số: H11/19099 ngày 07/11/2019 và của ông Nguyễn Hữu T1 theo hợp đồng bảo lãnh số: H11/19100 ngày 07/11/2019.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ đã thanh toán cho ngân hàng như sau:

+ Khế ước nhận nợ (Lần 01/số: H11/19098-01) ngày 07/11/2019: Đã thanh toán số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 27.057.200 đồng**.** Dư nợ gốc còn lại là 100.000.000 đồng.

+ Khế ước nhận nợ (Lần 02/số: H11/19098-02) ngày 16/6/2020: Đã thanh toán số tiền nợ gốc là 12.500.000 đồng, tiền lãi là 2.952.179 đồng**.** Dư nợ gốc còn lại là 137.500.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết theo hợp đồng nêu trên. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Từ khi nhận nợ vay đến nay, bị đơn mới trả được cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc: 212.500.000 đồng, lãi là 30.009.379 đồng.

Do vậy, ngày 15/8/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ các khoản vay của bị đơn và yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ thanh toán toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng. Thực tế hiện nay, Ngân hàng không liên hệ được với ông Mai Huỳnh Quang T là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ thanh toán một lần ngay sau khi bản

án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/8/2023 là 421.150.837 đồng như sau:

* Khế ước nhận nợ (Lần 01/số: H11/19098-01) ngày 07/11/2019:

+ Nợ gốc: 100.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 1.043.348 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 77.723.014 đồng

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 316.149 đồng

* Khế ước nhận nợ (Lần 02/số: H11/19098-02) ngày 16/6/2020:

+ Nợ gốc: 137.500.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 2.016.416 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 101.940.908 đồng

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 611.002 đồng.

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì ông Mai Huỳnh Quang T và ông Nguyễn Hữu T1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Ngoài ra, kể từ ngày 26/8/2023, bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Huỳnh Quang T và ông Nguyễn Hữu T1 đã vắng mặt trong suốt quá trình Toà án nhân dân quận Gò Vấp tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đến khi xét xử mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 25/8/2023 về số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi.

Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay thì ông Mai Huỳnh Quang T và ông Nguyễn Hữu T1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ có trụ sở tại quận Gò Vấp nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ, ông Mai Huỳnh Quang T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông Nguyễn Hữu T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Toà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; tham gia giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa xét xử vụ án (ngày 28/7/2023 và ngày 25/8/2023) nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Huỳnh Quang T và ông Nguyễn Hữu T1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1.1] Đối với hợp đồng cho vay hạn mức số H11/19098 ngày 07/11/2019: Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán nợ tạm tính đến ngày 25/8/2023 bao gồm: Nợ gốc là 237.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.059.764 đồng, nợ lãi quá hạn là 179.663.922 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 927.151 đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ hợp đồng cho vay hạn mức số H11/19098 ngày 07/11/2019; khế ước nhận nợ (Lần 01/số: H11/19098-01) ngày 07/11/2019; khế ước nhận nợ (Lần 02/số: H11/19098-02) ngày 16/6/2020 cùng các chứng cứ trong hồ sơ

vụ án, có cơ sở xác định Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ đã vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 450.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh: Điều hành tua du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa. Sau khi nhận nợ đến nay, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn được 212.500.000 đồng tiền nợ gốc.

Sau ngày 15/8/2020 bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số nợ gốc theo quy định của Hợp đồng cho vay là phù hợp.

Xem xét căn cứ tính lãi, mức lãi suất, thời gian tính lãi mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với thỏa thuận của các bên về nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, nợ lãi chậm trả lãi tại hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 25/8/2023, như sau:

* Khế ước nhận nợ (Lần 01/số: H11/19098-01) ngày 07/11/2019:

+ Nợ gốc: 100.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 1.043.348 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 77.723.014 đồng

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 316.149 đồng

* Khế ước nhận nợ (Lần 02/số: H11/19098-02) ngày 16/6/2020:

+ Nợ gốc: 137.500.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 2.016.416 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 101.940.908 đồng

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 611.002 đồng

[3.1.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất

thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015". Do đó, cần buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc, lãi chậm trả lãi đối với khoản nợ lãi trong hạn chưa thanh toán kể từ sau khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, khoản nợ lãi trong hạn chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3.1.4] Xét yêu cầu đối với biện pháp bảo đảm

Xét yêu cầu buộc ông Mai Huỳnh Quang T, ông Nguyễn Hữu T1 có trách nhiệm thanh toán thay cho bị đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ số nợ, HĐXXX nhận thấy:

Xét các hợp đồng bảo lãnh số: H11/19099 ngày 07/11/2019 và hợp đồng bảo lãnh số: H11/19100 ngày 07/11/2019 ký kết giữa bên bảo lãnh ông Mai Huỳnh Quang T, ông Nguyễn Hữu T1, bên được bảo lãnh là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ và bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 335 Bộ luật Dân sự.

HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với ông Mai Huỳnh Quang T, ông Nguyễn Hữu T1:

Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức số H11/19098 ngày 07/11/2019 thì ông Mai Huỳnh Quang T, ông Nguyễn Hữu T1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ.

[3.2] Về phương thức và thời hạn thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 20.846.033 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 466; khoản 1 Điều 280 và Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 25/8/2023 là 421.150.837 (Bốn trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi nghìn tám trăm ba mươi bảy) đồng, bao gồm:

* Khế ước nhận nợ (Lần 01/số: H11/19098-01) ngày 07/11/2019:

+ Nợ gốc: 100.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 1.043.348 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 77.723.014 đồng

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 316.149 đồng

* Khế ước nhận nợ (Lần 02/số: H11/19098-02) ngày 16/6/2020:

+ Nợ gốc: 137.500.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 2.016.416 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 101.940.908 đồng

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 611.002 đồng

Trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức số H11/19098 ngày 07/11/2019 thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Huỳnh Quang T và ông Nguyễn Hữu T1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán hết số nợ nói trên của bị đơn cho đến khi dứt nợ theo các hợp đồng bảo lãnh số: H11/19099 ngày 07/11/2019 và hợp đồng bảo lãnh số: H11/19100 ngày 07/11/2019.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo

từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đ phải chịu 20.846.033 (Hai mươi triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm ba mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 8.356.858 (Tám triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi tám) đồng số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0048044 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuyết Mai